

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày: 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Ton.

2/ Ông Lưu Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:

1. Ông Nguyễn Văn Triều - Kiểm sát viên.

2. Ông Huỳnh Văn Thạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 14/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 08/5/2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh ngày 20/12/1999; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú: Số 068/AN, ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Ng và Lê Thị H; Vợ, con: Chưa có; Có 03 anh chị, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995;

+ Tiền án: Không;

+ Tiền sự: 02;

1/ Ngày 10/8/2021, bị UBND xã V, huyện B ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (Chấp hành xong ngày 10/11/2021).

2/ Ngày 13/12/2022, bị Công an xã A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (Đã nộp phạt ngày 13/3/2023).

Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 7 thì nghỉ học phụ giúp gia đình, sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Sau khi phạm tội, đến ngày 19/01/2023, bị Công an huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Đã nộp phạt ngày 13/3/2023). Bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 13/02/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị H, sinh năm 1972; (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 068/AN, ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D – sinh ngày 20/12/1999 cư ngụ số 068/AN, ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 09 giờ 30 ngày 14/01/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên D điều khiển xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu biển số 71B4-063.08 từ nhà đến khu đô thị Việt Sinh - An Bình thuộc thị trấn B, huyện B gặp 01 đối tượng tên “Nh” (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì Nh đồng ý bán. D đưa tiền cho Nh rồi Nh đưa cho D một mảnh băng keo 02 mặt, 01 mặt có dán sẵn 01 túi nylon màu trắng được hàn kín bốn cạnh, có 01 cạnh có rãnh khếp bằng nhựa màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 01 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín 02 đầu bên trong có chứa tinh thể màu trắng. Sau đó D liền dán miếng băng keo có dán sẵn 01 túi nylon và 01 đoạn ống nhựa bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng vào bên trong nắp dưới tay lái bằng nhựa phần cổ xe phía bên phải người điều khiển của xe

mô tô DAELIM biển số 71B4-063.08 rồi điều khiển xe đi đến nhà bạn ở ấp A, xã A, huyện B chơi. Khi D đến khu vực đường hẻm thuộc ấp A, xã A, huyện Ba thì bị lực lượng Đoàn Biên phòng Hàm Luông, Công an huyện B và Công an xã A yêu cầu dừng xe kiểm tra và phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ (chưa xử lý), gồm:

- 01 túi nylon màu trắng bên trong có nhiều tinh thể màu trắng, kích thước 2,5cm x 2,6cm được hàn kín 04 phía, 01 phía có rãnh khếp bằng nhựa màu trắng; 01 đoạn ống hút bằng nhựa màu trắng bên trong có nhiều tinh thể màu trắng, chiều dài 2,5cm được hàn kín 02 đầu và 01 miếng băng keo màu trắng kích thước 2,3cm x 5,1cm (ký hiệu T01);

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương có số IMEI1 868289059221853, số IMEI2 868289059221846 bên trong có gắn 02 sim có số thuê bao lần lượt là sim1 0346.015.855 và sim2 0373.260.003 được thu trong túi quần trước bên trái Phạm Văn D đang mặc (ký hiệu T02);

- 01 xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08;

Tại Bản kết luận giám định số 36/2023/KL-KTHS ngày 15/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon và 01 đoạn ống hút bằng nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,0584 gam. Hoàn lại mẫu vật ký hiệu T01 sau giám định đã được niêm phong có khối lượng là 0,9229 gam.

Tại Bản Cáo trạng số: 14/CT-VKSBT ngày 12/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,9229 gam cùng với vỏ bao gói chứa ma túy được niêm phong trong phong bì số 36/2023 có chữ kí tên và viết họ tên của Phan Trung Trực, Nguyễn Ngọc Minh và Vũ Văn Định đồng thời có đóng dấu hình tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre là vật cấm tàng trữ lưu hành.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương có số IMEI1 868289059221853, số IMEI2 868289059221846 bên trong có gắn 02 sim có số thuê bao lần lượt là sim1 0346.015.855 và sim2 0373.260.003 được thu trong túi quần trước bên trái Phạm Văn D (ký hiệu T02) là tài sản riêng của bị cáo và không liên quan đến vụ án.

+ Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H: 01 xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08 do xe thuộc sở hữu của bà Hà và bà Hà không biết việc bị cáo lấy xe đi mua ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xin nhận lại điện thoại OPPO màu xanh dương có số IMEI1 868289059221853, số IMEI2 868289059221846 bên trong có gắn 02 sim có số thuê bao lần lượt là sim1 0346.015.855 và sim2 0373.260.003, còn xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08 thì xin trả lại cho mẹ bị cáo. Bị cáo không tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo. Ngày bị cáo phạm tội, bà có cho bị cáo mượn xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08 thuộc sở hữu của bà để bị cáo

đi mua đồ ăn. Bà không biết bị cáo sau đó dùng phương tiện này đi mua ma túy sử dụng. Bà xin nhận lại xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08. Bà không có ý kiến tranh luận.

Do bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Phạm Văn D là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, người làm chứng, vật chứng là ma túy đã thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do nghiện ma túy, nên bị cáo Phạm Văn D đã có hành vi mua và cất giữ trái phép 1,0584 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang vào khoảng 10 giờ 50 phút ngày 14/01/2023 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến . Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ tuổi và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện. Vì vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy từ lâu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo không biết cải sửa bản thân. Bị cáo đã bị UBND xã V áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo đã không thể từ bỏ ma túy mà tiếp tục có hành vi sử dụng, tàng trữ trái trái phép chất ma túy và bị bắt quả tang. Điều đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo nhằm giúp bị cáo từ bỏ chất ma túy để trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng tệ nạn ma túy đang ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp trên địa bàn huyện nhà.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ hình sự của bị cáo HĐXX thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về tình tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,9229 gam cùng với vỏ bao gói chứa ma túy được niêm phong trong phong bì số 36/2023 có chữ kí tên và viết họ tên của Phan Trung Trực, Nguyễn Ngọc Minh và Vũ Văn Định đồng

thời có đóng dấu hình tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre là vật cầm tàng trữ lưu hành nên bị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương có số IMEI1 868289059221853, số IMEI2 868289059221846 bên trong có gắn 02 sim có số thuê bao lần lượt là sim1 0346.015.855 và sim2 0373.260.003 được thu trong túi quần trước bên trái của bị cáo Phạm Văn D (ký hiệu T02). Đây là tài sản không liên quan đến việc tàng trữ ma túy của bị cáo và tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại nên HĐXX xét thấy trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08. Đây là xe thuộc sở hữu của bà Hà và bà Hà không biết việc bị cáo lấy xe đi mua ma túy, tại phiên tòa bà H xin được nhận nên HĐXX xét thấy trả lại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Đối với đối tượng tên “Nh” có hành vi bán ma túy cho bị cáo Phạm Văn D có dấu hiệu của tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhưng do không xác định được nhân thân và lai lịch đối tượng nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo cáo Phạm Văn D phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,9229 gam cùng với vỏ bao gói chứa ma túy được niêm phong trong phong bì số 36/2023 có chữ kí tên và viết họ tên của Phan Trung Trực, Nguyễn Ngọc Minh và Vũ Văn Định đồng thời có đóng dấu hình tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh dương có số IMEI1 868289059221853, số IMEI2 868289059221846 bên trong có gắn 02 sim có số thuê bao lần lượt là sim1 0346.015.855 và sim2 0373.260.003 (ký hiệu T02).

+ Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H: 01 xe mô tô hiệu DAELIM màu sơn nâu, biển số 71B4-063.08.

(Theo phiếu nhập kho số NKT.V.16 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;;
- Đường sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Tiệm Tôm (Ba Tri, Bến Tre);
- UBND xã Vĩnh An (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài

